TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST
Ngày 11/07/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Phượng
Bà Phạm Thị Ngọc Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Giang - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-KDTM ngày 18/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A; địa chỉ: số 94A, phố H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật*: ông Đinh Thế Q - chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Từ Thị Hồng H, bà Dương Thị Kiều L, bà Trịnh Khánh L; địa chỉ liên hệ: Công ty luật Đ - Lô V5.8, tầng 5, Tòa nhà Imperia Garden, số 203, N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng và lắp máy 8; địa chỉ: lô C2, KCN K, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ích D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn T - chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Lê Thanh P - chức vụ: Giám đốc.

(Tại phiên tòa: có mặt bà L; vắng mặt: ông D, ông T, ông P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/06/2023 của nguyên đơn; bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 29/02/2020, Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là A) và Công ty cổ phần xây dựng và lắp máy 8 (sau đây gọi tắt là công ty 8) ký kết Hợp đồng kinh tế số 29.02/HĐKT/8-APL ngày 29/02/2020 về việc thuê và thi công ép nhổ cừ Larsen, nội dung công việc: Công ty 8 thuê và A đồng ý cho thuê và thi công ép nhổ cừ Larsen cho công trình Cầu Rạch Vộp tại xã Tân Lập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (bao gồm vật tư, nhân công, thiết bị thi công và các chi phí khác liên quan để hoàn thành hạng mục công trình) có giá trị hợp đồng tạm tính là 621.950.384 đồng.

Thực hiện đúng thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 29.02/HĐKT/8-APL ngày 29/02/2020 A đã cho thuê và thi công cừ Larsen với giá trị khối lượng hoàn thành thực tế là 776.855.990 đồng, cụ thể như sau:

- Đợt 1 (ngày 20/3/2020) giá trị hoàn thành 149.842.838 đồng. Thông tin hóa đơn VAT số 0000282 ngày 31/3/2020.
- Đợt 2 (ngày 29/4/2020) giá trị hoàn thành 194.685.833 đồng. Thông tin hóa đơn VAT số 0000368 ngày 29/4/2020.
- Đợt 3 (ngày 04/6/2020) giá trị hoàn thành 202.364.626 đồng. Thông tin hóa đơn VAT số 0000485 ngày 04/6/2020.
- Đợt 4 (ngày 04/7/2020) giá trị hoàn thành 68.928.335 đồng. Thông tin hóa đơn VAT số 0000580 ngày 04/7/2020.
- Quyết toán ngày 07/8/2020 giá trị 161.034.358 đồng. Thông tin hóa đơn VAT số 0000674 ngày 07/8/2020.

Công ty 8 mới chỉ thanh toán cho A số tiền giá trị khối lượng hoàn thành là 529.842.838 đồng theo hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1 ngày 05/3/2020 thanh toán 150.000.000 đồng
- Đợt 2 ngày 28/4/2020 thanh toán 149.842.838 đồng
- Đợt 3 ngày 21/9/2020 thanh toán 100.000.000 đồng
- Đợt 4 ngày 10/11/2020 thanh toán 50.000.000 đồng
- Đợt 5 ngày 09/02/2021 thanh toán 50.000.000 đồng
- Đợt 6 ngày 23/12/2021 thanh toán 30.000.000 đồng.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2022, A và công ty 8 đã thống nhất xác định công nợ và xác định công ty 8 còn nợ số tiền giá trị khối lượng hoàn thành là 247.013.152 đồng.

A đã nhiều lần đôn đốc công ty 8 trả nợ nhưng công ty 8 vẫn trì hoãn việc thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần xây dựng và lắp máy

8 thanh toán số tiền 287.212.005 đồng *(Hai trăm, tám mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, không trăm linh năm đồng)*, trong đó:

- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành còn thiếu là 247.013.152 đồng (theo Hợp đồng kinh tế số 29.02/HĐKT/8-APL ngày 29/02/2020).

- Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 11/07/2024 theo mức lãi suất 12% là 45.315.070 đồng và tiền lãi chậm thanh toán đến khi thi hành xong.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Công ty 8 không đến làm việc và không có ý kiến gì.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc quyết định hoãn phiên tòa đúng với quy định tại điều 227, 233 BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không đến Tòa án làm việc là không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 74, Điều 78, Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy 8 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A khoản tiền hàng còn nợ là 247.013.152 đồng và số tiền chậm thanh toán là 45.395.831đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy 8 phải nộp án phí sơ thẩm số tiền 14.620.000 đồng. Trả lại Công ty TNHH A tiền tạm ứng án phí 7.100.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001182 ngày 17/10/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp phát sinh trong ho ạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thu ộc thẩm quyền giải quyết c ủa Toà án. Bị đơn có địa chỉ tại lô C2, KCN Khánh Phú, xã Ninh Phúc, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng th ẩm quyền theo loại việc và theo lãnh thổ.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Quan hệ tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 29.02/HĐKT/8-APL ngày 29/02/2020 và văn bản xác nhận nợ ngày 31/12/2022 giữa A và Công ty 8, hai bên là pháp nhân ký kết hợp đồng kinh tế và có phát sinh lợi nhuận. Do đó, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng kinh tế được điều chỉnh theo Luật thương mại và thời hiệu khởi kiện là 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn: căn cứ biên bản xác minh ngày 05/03/2024 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2700822880, Đăng ký lần đầu ngày 25/05/2016, Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/01/2024,

Tên công ty: Công ty cổ phần xây dựng và lắp máy 8

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ích Diện - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Trung - chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Lê Thanh Phúc - chức vụ: Giám đốc.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung;

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại theo Hợp đồng kinh tế số 29.02/HĐKT/8-APL ngày 29/02/2020 giữa A và Công ty 8. Nội dung Hợp đồng quy định Công ty 8 thuê và A đồng ý cho thuê và thi công ép nhổ cừ Larsen cho công trình Cầu Rạch Vộp tại xã Tân Lập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (bao gồm vật tư, nhân công, thiết bị thi công và các chi phí khác liên quan để hoàn thành hạng mục công trình). Về hình th ức và nội dung của Hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đương sự không có tranh chấp về hình thức và nội dung của Hợp đồng nên xác đ ịnh Hợp đồng kinh tế s ố 29.02/HĐKT/8-APL ngày 29/02/2020 là hợp pháp và phát sinh hiệu lực k ể từ ngày ký.

Qua các tài liệu ch ứng cứ do nguyên đơn cung cấp th ể hiện A đã cho thuê và thi công cừ Larsen với giá trị khối lượng hoàn thành thực tế là 776.855.990 đồng. Công ty 8 đã thanh toán cho A số tiền là 529.842.838 đồng, còn nợ số tiền giá trị khối lượng hoàn thành là 247.013.152 đồng. Số tiền nợ còn l ại được các bên xác nh ận tại biên bản xác nhận nợ ngày 31/12/2022.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử 11/07/2024 là 45.315.070 đồng:

Tại khoản 5.3 Điều 5 của hợp đồng kinh tế số 29.02/HĐKT/8-APL hai bên đã ký kết quy định "Trong vòng 20 ngày khi hai bên A- B hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị còn lại theo hồ sơ quyết toán… Nếu bên A không thanh toán đúng hạn hoặc không ký xác nhận thanh toán, bên B có quyền thu hồi vật tư về, đồng thời bên A phải thanh toán cho bên B khoản chậm thanh toán theo lãi suất ngân hàng"; Căn cứ các hóa đơn và bảng đối chiếu công nợ giữa hai Công ty do nguyên đơn giao nộp thì giá trị hoàn thành đợt quyết toán mà A xuất hóa đơn là ngày 07/8/2020, tuy nhiên trong vòng 20 ngày (đến ngày 28/8/2020) Công ty 8 vẫn chưa thanh toán hết giá trị đã hoàn thành cho A, nên có căn cứ xác định Công ty 8 đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, do vậy Công ty 8 phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả cho A đối với số tiền chậm trả từ ngày 28/08/2020. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán số tiền lãi chậm trả đối với số tiền 247.013.152 đồng kể từ ngày 31/12/2022 theo mức lãi suất là 12%/năm.

Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng về chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh

toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ về lãi suất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Ninh Bình; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15%/năm , cao hơn mức lãi suất mà A yêu cầu. Xét thấy mức lãi suất chậm thanh toán A đưa ra yêu cầu Công ty 8 phải thanh toán thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng và không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, đồng thời có lợi cho bị đơn nên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, số tiền lãi chậm thanh toán mà Công ty 8 phải thanh toán cho A tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 11/7/2024 là 559 ngày = 247.013.152 đồng x 12% : 365 ngày x 559 ngày = 45.395.831 đồng.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của A buộc Công ty 8 thanh toán khoản tiền hàng còn nợ 247.013.152 đồng và số tiền chậm thanh toán 45.395.831 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2] Về án phí:

- Công ty 8 phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 292.408.983 đồng x 5% = 14.620.000 đồng (làm tròn).

- A không phải chịu án phí được Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 74, 78, 85, 306 Luật Thương mại năm 2005; Các điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 11, điểm b

khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A, buộc Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy 8 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A khoản tiền hàng còn nợ là 247.013.152 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm mười ba nghìn, một trăm năm mươi hai đồng) và số tiền lãi chậm thanh toán là 45.395.831 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2/ Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy 8 phải nôp 14.620.000 đồng (Mười bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

2.2. Công ty TNHH A không phải nộp, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.100.000 đồng (Bẩy triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001182 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Công ty TNHH A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy 8 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP Ninh Bình;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình